

GRI 305: Phát thải 2016

Xin lưu ý: Yêu cầu 1.2 và các Công bố thông tin từ 305-1 đến 305-5 trong GRI 305: *Phát thải 2016* đã được sửa đổi và sẽ được thay thế bằng GRI 102: *Biến đổi Khí hậu 2025* kể từ ngày có hiệu lực là ngày 1 tháng 1 năm 2027. Khuyến khích áp dụng GRI 102 sớm hơn.

Ngày hiệu lực: Ngày 1 tháng 7 năm 2018

TIÊU CHUẨN THEO CHỦ ĐỀ

305

GRI 305: Phát thải 2016

Tiêu chuẩn theo Chủ đề

Ngày Hiệu Lực

Tiêu chuẩn này có hiệu lực đối với báo cáo hoặc tài liệu khác được phát hành vào hoặc sau ngày 1 tháng 7 năm 2018

Trách nhiệm

Tiêu chuẩn này được [Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu \(GSSB\)](#) ban hành. Vui lòng gửi mọi ý kiến phản hồi về Bộ Tiêu chuẩn GRI tới gssbsecretariat@globalreporting.org để GSSB xem xét.

Quy trình Hợp lệ

Tiêu chuẩn này được xây dựng vì lợi ích cộng đồng và phù hợp với các yêu cầu trong Quy trình Hợp lệ của GSSB. Tài liệu này được xây dựng dựa trên chuyên môn của nhiều bên liên quan, có tham khảo các văn kiện liên chính phủ có thẩm quyền và kỳ vọng phổ biến của các tổ chức về trách nhiệm xã hội, môi trường và kinh tế.

Trách Nhiệm Pháp Lý

Tài liệu này nhằm mục đích hỗ trợ việc báo cáo phát triển bền vững và đã được Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu (GSSB) xây dựng thông qua quy trình tham vấn đa bên độc đáo với sự tham gia của đại diện từ các tổ chức và người dùng thông tin báo cáo trên toàn thế giới. Trong khi Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý và GSSB khuyến khích mọi tổ chức sử dụng Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và các Diễn giải có liên quan, thì việc chuẩn bị và công bố các báo cáo dựa hoàn toàn hoặc một phần vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan hoàn toàn là trách nhiệm của người lập báo cáo. Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý, GSSB và tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả hoặc thiệt hại nào phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan trong quá trình lập báo cáo hoặc việc sử dụng báo cáo dựa vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan.

Thông báo về bản quyền và nhãn hiệu

Tài liệu này được tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting bảo vệ bản quyền. Được phép sao chép và phân phối tài liệu này để cung cấp thông tin và/hoặc sử dụng trong quá trình lập báo cáo phát triển bền vững mà không cần GRI cho phép trước khi thực hiện. Tuy nhiên, không được phép sao chép, lưu trữ, dịch hoặc chuyển giao tài liệu này hoặc bất kỳ trích đoạn nào từ tài liệu này dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào (điện tử, cơ học, photocopy, ghi âm hoặc cách khác) cho bất kỳ mục đích nào khác nếu không có văn bản cho phép của GRI trước khi thực hiện.

Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu, GRI và logo, GSSB và logo, cũng như Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và logo là các nhãn hiệu của tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting

© 2026 GRI. Bảo lưu mọi quyền.

ISBN 978-90-8866-108-2

Mục lục

Giới thiệu	4
1. Công bố thông tin quản lý chủ đề	8
2. Công bố thông tin theo chủ đề	9
Công bố thông tin 305-1 Phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1)	9
Công bố thông tin 305-2 Phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	12
Công bố thông tin 305-3 Phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3)	14
Công bố thông tin 305-4 Cường độ phát thải KNK	17
Công bố thông tin 305-5 Giảm phát thải KNK	19
Công bố thông tin 305-6 Phát thải chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)	21
Công bố thông tin 305-7 Nitơ oxit (NO _x), sulfur oxit (SO _x), và các phát thải khí đáng kể khác	23
Thuật ngữ	24
Tài liệu tham khảo	27

Giới thiệu

GRI 305: Phát thải 2016 bao gồm các công bố thông tin cho các tổ chức để báo cáo thông tin về các tác động liên quan đến phát thải và cách quản lý những tác động này.

Tiêu chuẩn có cấu trúc như sau:

- **Phần 1** bao gồm các yêu cầu cung cấp thông tin về cách tổ chức quản lý các tác động liên quan đến phát thải của mình.
- **Phần 2** bao gồm bảy công bố thông tin cung cấp thông tin về các tác động liên quan đến phát thải của tổ chức.
- **Bảng thuật ngữ** bao gồm các thuật ngữ được định nghĩa với ý nghĩa cụ thể khi sử dụng trong Bộ Tiêu chuẩn GRI. Các thuật ngữ được gạch chân trong văn bản Bộ Tiêu chuẩn GRI và được liên kết đến định nghĩa
- **Tài liệu tham khảo** liệt kê các văn kiện liên chính phủ có thẩm quyền và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này.

Nội dung còn lại của phần Giới thiệu trình bày bối cảnh của chủ đề, tổng quan về hệ thống Bộ Tiêu chuẩn GRI và thông tin bổ sung về cách sử dụng Tiêu chuẩn này.

Bối cảnh của chủ đề

Tiêu chuẩn này đề cập đến việc phát thải vào không khí, là việc xả các chất từ một nguồn vào bầu khí quyển. Các loại phát thải bao gồm: khí nhà kính (KNK), chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS) và nitrogen oxit (NO_x) sulfur oxit (SO_x), cũng như các phát thải khí đáng kể khác.

Phát thải KNK

Phát thải KNK là nguyên nhân chính gây ra biến đổi khí hậu và được quy định trong “Công ước Khung về Biến đổi Khí hậu” của Liên Hợp Quốc (UN) và “Nghị định thư Kyoto” của UN.

Tiêu chuẩn này đề cập đến các KNK sau đây:

- Cacbon dioxide (CO_2)
- Mêtan (CH_4)
- Đinitơ oxit (N_2O)
- Hydrofluorocarbon (HFCs)
- Perfluorocarbon (PFCs)
- Sulphur hexafluoride (SF_6)
- Nitrogen trifluoride (NF_3)

Một số KNK, bao gồm khí mêtan, cũng là chất gây ô nhiễm không khí có tác động tiêu cực đáng kể đối với các hệ sinh thái, chất lượng không khí, nông nghiệp, sức khỏe của con người và động vật.

Do đó, các hệ thống chính sách ưu đãi và các quy định quốc gia và quốc tế khác nhau như mua bán chuyển nhượng phát thải đều hướng đến mục đích kiểm soát khối lượng và ghi nhận việc giảm phát thải KNK.

Các yêu cầu báo cáo đối với phát thải KNK trong Tiêu chuẩn này căn cứ trên các yêu cầu của “Chuẩn mực Kế toán và Báo cáo Doanh nghiệp theo Nghị định thư KNK” (“Nghị định thư KNK về Tiêu chuẩn đối với Doanh nghiệp”) và “Tiêu chuẩn Chuỗi giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3)” (“Nghị định thư KNK về Tiêu chuẩn đối với Chuỗi Giá trị của Doanh nghiệp”). Hai tiêu chuẩn này nằm trong Nghị định thư KNK do Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD) phát triển.

Nghị định thư KNK quy định việc phân loại phát thải KNK gọi là “Phạm vi”: Phạm vi 1, Phạm vi 2 và Phạm vi 3. Tiêu chuẩn phát thải KNK do Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) ban hành là “ISO 14064” trình bày những phân loại Phạm vi này bằng những thuật ngữ sau đây:

- Phát thải KNK trực tiếp = Phạm vi 1
- Phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng = Phạm vi 2
- Phát thải KNK gián tiếp khác = Phạm vi 3

Trong Tiêu chuẩn này, những thuật ngữ này được kết hợp theo cách sau đây, như được định nghĩa trong phần [Bảng thuật ngữ](#):

- [Phát thải KNK trực tiếp \(Phạm vi 1\)](#)
- [Phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng \(Phạm vi 2\)](#)
- [Phát thải KNK gián tiếp khác \(Phạm vi 3\)](#)

Chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)

Tầng ô-zôn lọc hầu hết các bức xạ tia cực tím (UV-B) từ mặt trời vốn gây hại về mặt sinh học. Tình trạng phá hủy tầng ô-zôn do ODS theo quan sát và dự đoán gây ra mối quan ngại trên toàn thế giới. “Nghị định thư Montreal về các Chất phá hủy Tầng Ô-zôn” (“Nghị định thư Montreal”) của Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP) quy định việc cắt giảm dần ODS theo từng giai đoạn trên toàn thế giới.

Nitơ oxit (NO_x), sulfur oxit (SO_x) và các phát thải khí đáng kể khác

Các chất gây ô nhiễm như NO_x và SO_x gây ảnh hưởng tiêu cực đối với khí hậu, hệ sinh thái, chất lượng không khí, môi trường sống, nông nghiệp, sức khỏe con người và động vật. Sự suy giảm chất lượng không khí, axit hóa, suy thoái rừng và các mối quan ngại về sức khỏe cộng đồng đã đưa đến các quy định của địa phương và quốc tế nhằm kiểm soát phát thải những chất gây ô nhiễm này.

Việc giảm phát thải các chất gây ô nhiễm theo quy định dẫn đến cải thiện các điều kiện về sức khỏe cho người lao động và cộng đồng địa phương, đồng thời củng cố mối quan hệ với các bên liên quan bị ảnh hưởng. Trong các khu vực có giới hạn phát thải, thuế phát thải cũng có tác động trực tiếp đến chi phí.

Các phát thải khí đáng kể khác bao gồm ví dụ như các chất gây ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc các hạt vật chất, cũng như phát thải khí được quy định trong các công ước quốc tế và/hoặc các quy định hoặc luật pháp quốc gia, bao gồm những phát thải được liệt kê trong giấy phép môi trường của tổ chức.

Hệ thống của Bộ Tiêu chuẩn GRI

Tiêu chuẩn này là một phần của Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI). Bộ Tiêu chuẩn GRI giúp tổ chức báo cáo thông tin về [các tác động](#) đáng kể nhất của tổ chức đối với nền kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả tác động đến [quyền con người](#) cũng như cách tổ chức quản lý những tác động này.

Bộ Tiêu chuẩn GRI có cấu trúc như một hệ thống các tiêu chuẩn tương quan với nhau, được sắp xếp thành ba phần: Tiêu chuẩn GRI Tổng thể, Tiêu chuẩn GRI theo Ngành và Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề (xem [Hình 1](#) trong Tiêu chuẩn này).

Tiêu chuẩn Tổng thể: GRI 1, GRI 2 và GRI 3

[GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) nêu rõ các yêu cầu mà tổ chức phải tuân thủ để báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI. Tổ chức bắt đầu sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI bằng cách tham khảo [GRI 1](#).

[GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021](#) bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để cung cấp thông tin về hoạt động báo cáo và các thông tin chi tiết khác của tổ chức, chẳng hạn như về hoạt động vận hành, công tác quản trị và các chính sách.

[GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#) đưa ra hướng dẫn về cách xác định [các chủ đề trọng yếu](#). Trong đó bao gồm cả các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về quy trình xác định các chủ đề trọng yếu, danh sách các chủ đề trọng yếu và cách tổ chức quản lý từng chủ đề.

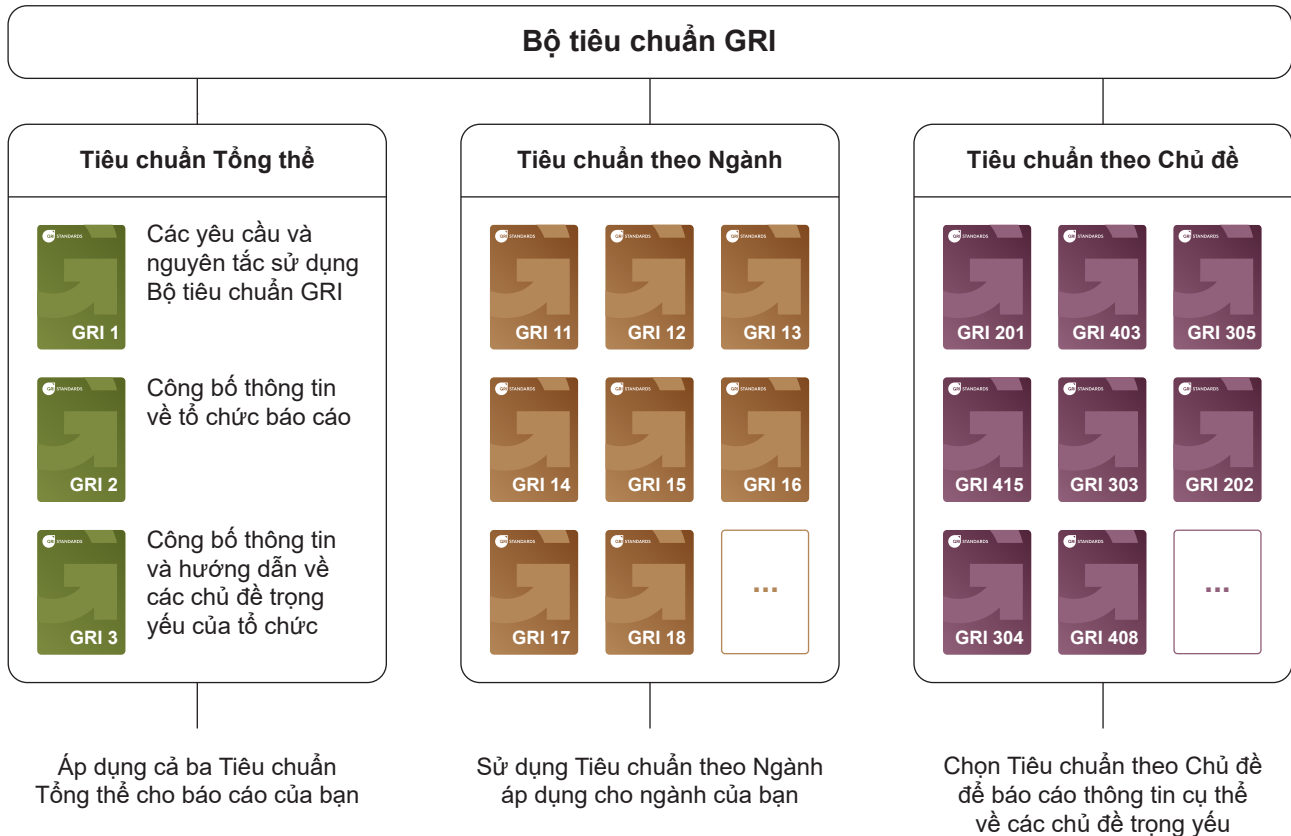
Tiêu chuẩn theo Ngành

Tiêu chuẩn theo Ngành cung cấp các thông tin cho tổ chức về những chủ đề có khả năng là trọng yếu đối với họ. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Ngành áp dụng cho các lĩnh vực của mình khi xác định các chủ đề trọng yếu và khi xác định nội dung báo cáo cho từng chủ đề trọng yếu.

Tiêu chuẩn theo Chủ đề

Tiêu chuẩn theo Chủ đề bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về các tác động của mình liên quan đến các chủ đề cụ thể. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Chủ đề theo danh sách các chủ đề trọng yếu đã xác định thông qua [GRI 3](#).

Hình 1. Bộ tiêu chuẩn GRI: Tiêu chuẩn Tổng thể, Tiêu chuẩn theo Ngành và Tiêu chuẩn theo Chủ đề



Sử dụng Tiêu chuẩn này

Tiêu chuẩn này có thể được sử dụng bởi bất kỳ tổ chức nào – bất kể quy mô, loại hình, ngành nghề, vị trí địa lý hoặc kinh nghiệm báo cáo – để công bố thông tin về các tác động liên quan đến phát thải của tổ chức đó.

Tổ chức báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI phải báo cáo các công bố thông tin sau nếu đã xác định phát thải là một chủ đề trọng yếu:

- Công bố thông tin 3-3 trong **GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021** (xem điều khoản 1.1 trong Tiêu chuẩn này);
- Điều khoản 1.2 trong Tiêu chuẩn này, nếu có liên quan đến các tác động liên quan đến phát thải;
- Bất kỳ công bố thông tin nào thuộc Tiêu chuẩn theo Chủ đề này về các tác động liên quan đến phát thải của tổ chức (Công bố thông tin 303-1 đến Công bố thông tin 303-5).

Xem **Các yêu cầu 4 và 5 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021**.

Có thể đưa ra lý do để lược bỏ những công bố thông tin này.

Nếu không thể tuân thủ việc công bố thông tin hoặc yêu cầu trong việc công bố thông tin (ví dụ: vì thông tin cần công bố là thông tin bảo mật hoặc bị pháp luật cấm), tổ chức phải nêu rõ mục công bố thông tin hoặc yêu cầu mà tổ chức không thể tuân thủ và đưa ra lý do lược bỏ kèm theo lời giải thích trong chỉ mục nội dung GRI. Xem phần **Yêu cầu 6 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021** để biết thêm thông tin về lý do lược bỏ.

Nếu không thể báo cáo thông tin bắt buộc về một mục được chỉ định trong công bố thông tin vì mục đó (ví dụ: ủy ban, chính sách, thông lệ, quy trình) không tồn tại, tổ chức có thể tuân thủ yêu cầu bằng cách báo cáo tình huống thực tế đó. Tổ chức có thể giải thích lý do không có mục này hoặc trình bày bất kỳ kế hoạch nào để phát triển mục này. Việc công bố thông tin không yêu cầu tổ chức phải thực hiện mục đó (ví dụ: xây dựng chính sách) nhưng phải báo cáo mục đó không tồn tại.

Nếu có ý định công bố báo cáo phát triển bền vững độc lập, tổ chức không cần lặp lại thông tin đã công bố ở nơi khác, chẳng hạn như trên các trang web hoặc trong báo cáo thường niên. Trong trường hợp đó, tổ chức có thể báo cáo nội dung công bố thông tin bắt buộc bằng cách cung cấp tham chiếu trong chỉ mục nội dung GRI đến nơi có thể tìm thấy thông tin này (ví dụ: bằng cách cung cấp liên kết đến trang web hoặc trích dẫn trang trong báo cáo thường niên nơi thông tin đã được công bố).

Các yêu cầu, hướng dẫn và các thuật ngữ được định nghĩa

Những nội dung sau đây được áp dụng trong toàn bộ Tiêu chuẩn này:

Các yêu cầu bắt buộc được trình bày bằng phông **chữ in đậm** và được biểu thị bằng từ “cần phải”. Tổ chức phải tuân thủ các yêu cầu báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI. Yêu cầu bắt buộc có thể kèm theo hướng dẫn.

Hướng dẫn bao gồm thông tin bối cảnh, giải thích và ví dụ để giúp tổ chức hiểu rõ hơn về các yêu cầu.

Tổ chức không bắt buộc phải tuân thủ hướng dẫn. Tiêu chuẩn cũng có thể bao gồm các khuyến nghị. Đây là những tình huống trong đó một hành động cụ thể được khuyến khích nhưng không bắt buộc phải thực hiện.

Từ “nên” biểu thị khuyến nghị, còn từ “có thể” biểu thị khả năng hoặc lựa chọn.

Các thuật ngữ được định nghĩa sẽ được gạch chân trong văn bản Bộ tiêu chuẩn GRI và được liên kết với định nghĩa tương ứng trong [Bảng thuật ngữ](#). Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa trong Bảng thuật ngữ.

1. Công bố thông tin quản lý chủ đề

Một tổ chức báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI phải báo cáo cách thức quản lý từng chủ đề trọng yếu của tổ chức đó.

Tổ chức xác định phát thải là chủ đề trọng yếu phải báo cáo cách thức quản lý chủ đề này theo [Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#) (xem điều khoản 1.1 trong phần này). Tổ chức cũng phải báo cáo điều khoản 1.2 trong phần này, nếu có liên quan đến các tác động liên quan đến phát thải của tổ chức đó.

Do đó, phần này được thiết kế để bổ sung – nhưng không thay thế – Công bố thông tin 3-3 trong *GRI 3*.

1.1 Tổ chức báo cáo cần phải báo cáo cách thức quản lý phát thải theo [Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#).

1.2. Khi báo cáo về các mục tiêu phát thải KNK, tổ chức báo cáo cần phải giải thích về việc có sử dụng đền bù để đạt được các mục tiêu đó hay không, bao gồm loại hình, số lượng, tiêu chí hoặc chương trình bao gồm đền bù.

Tổ chức báo cáo cũng có thể:

- giải thích rõ tổ chức có phải tuân thủ bất kỳ chính sách và quy định về phát thải nào ở cấp quốc gia, vùng hoặc ngành hay không và đưa ra ví dụ về những chính sách và quy định này;
- công bố thông tin về chi phí xử lý phát thải (chẳng hạn như chi phí cho hệ thống lọc, chất xử lý), chi phí mua và sử dụng chứng nhận phát thải.

2. Công bố thông tin theo chủ đề

Công bố thông tin 305-1 Phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1)

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

- a. Tổng lượng phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1) theo tấn CO₂ tương đương.
- b. Các loại khí được đưa vào tính toán, bao gồm CO₂, CH₄, N₂O, HFCs, PFCs, SF₆, NF₃ hoặc tất cả.
- c. Phát thải CO₂ sinh học theo tấn CO₂ tương đương.
- d. Năm cơ sở dùng để tính toán, nếu áp dụng, bao gồm:
 - i. lý do lựa chọn năm cơ sở;
 - ii. phát thải trong năm cơ sở;
 - iii. bối cảnh cho bất kỳ thay đổi đáng kể nào về phát thải dẫn đến việc tính toán lại phát thải trong năm cơ sở.
- e. Nguồn của các hệ số phát thải và chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) đã sử dụng, hoặc tham chiếu đến nguồn GWP.
- f. Phương pháp hợp nhất đối với phát thải; theo tỷ lệ cổ phần, quyền kiểm soát tài chính, hoặc quyền kiểm soát hoạt động.
- g. Các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả thiết và/hoặc công cụ tính toán được sử dụng.

Các yêu cầu khi biên soạn

2.1 Khi biên soạn thông tin được quy định trong Công bố thông tin 305-1, tổ chức báo cáo cần phải:

- 2.1.1 loại trừ mọi giao dịch KNK khi tính toán tổng lượng phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1);
- 2.1.2 báo cáo phát thải CO₂ sinh học do đốt cháy hoặc phân hủy sinh học của sinh khối tách riêng khỏi tổng lượng phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1). Loại trừ lượng phát thải sinh học của các loại KNK khác (chẳng hạn như CH₄ và N₂O), và lượng phát thải CO₂ sinh học xuất hiện trong vòng đời của sinh khối không phải do đốt cháy hoặc phân hủy sinh học (chẳng hạn như phát thải KNK do xử lý hoặc vận chuyển sinh khối).

KHUYẾN NGHỊ

2.2 Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố thông tin 305-1, tổ chức báo cáo nên:

- 2.2.1 áp dụng hệ số phát thải và tỷ lệ GWP nhất quán cho dữ liệu báo cáo;
- 2.2.2 sử dụng tỷ lệ GWP từ báo cáo đánh giá IPCC căn cứ trên khung thời gian 100 năm;
- 2.2.3 chọn một phương pháp nhất quán để hợp nhất phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1) và gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2); chọn phương pháp tính theo tỷ lệ vốn cổ phần, quyền kiểm soát tài chính, hoặc quyền kiểm soát hoạt động nêu trong “Nghị định thư KNK về Tiêu chuẩn đối với Doanh nghiệp”;
- 2.2.4 nếu phải tuân thủ các phương pháp luận và tiêu chuẩn khác nhau, thì mô tả

cách lựa chọn những phương pháp và tiêu chuẩn đó;

- 2.2.5. nếu việc này hỗ trợ cho tính minh bạch hoặc khả năng so sánh theo thời gian, thì phân chia dữ liệu về phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1) theo:
- 2.2.5.1 đơn vị hoặc cơ sở kinh doanh;
 - 2.2.5.2 quốc gia;
 - 2.2.5.3 loại nguồn (nguồn đốt cố định, quy trình, rò rỉ);
 - 2.2.5.4 loại hoạt động.

HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 305-1

Phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1) bao gồm nhưng không giới hạn ở phát thải khí CO₂ từ tiêu thụ nhiên liệu như được báo cáo trong [Công bố thông tin 302-1 của GRI 302: Năng lượng 2016](#).

Phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1) có thể xuất phát từ các nguồn sau đây do tổ chức sở hữu hoặc kiểm soát:

- Phát điện, sưởi ấm, làm mát và hơi nước: các phát thải này do việc đốt cháy nhiên liệu trong các nguồn cố định gây ra, chẳng hạn như lò hơi, lò đốt, tua-bin, và từ các quy trình đốt khác như đốt lửa;
- Xử lý vật lý hoặc hóa học: hầu hết các phát thải này xuất phát từ quá trình sản xuất hoặc xử lý hóa chất và vật liệu, chẳng hạn như xử lý xi măng, thép, nhôm, ammoniac và chất thải;
- Vận chuyển vật liệu, sản phẩm, chất thải, người lao động và hành khách: các phát thải này xuất phát từ việc đốt cháy nhiên liệu trong các nguồn di động do tổ chức sở hữu hoặc kiểm soát, chẳng hạn như xe tải, tàu hỏa, tàu thủy, máy bay, xe buýt, ô tô;
- Phát thải phát tán: đây là các phát thải không được kiểm soát vật lý mà xuất phát từ việc giải phóng KNK có chủ ý hoặc không có chủ ý. Trong đó có thể bao gồm rò rỉ từ các khớp nối, gioăng, vật liệu chèn và nệm kín; các phát thải khí mê-tan (ví dụ như từ các mỏ than) và thông hơi; các phát thải khí HFC từ tủ lạnh và thiết bị điều hòa không khí; và rò rỉ khí mê-tan (ví dụ: trong quá trình vận chuyển khí).

Các phương pháp luận được sử dụng để tính toán phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1) có thể bao gồm:

- phép đo trực tiếp nguồn năng lượng tiêu thụ (than đá, khí đốt) hoặc các hao hụt (nạp lại) của hệ thống làm mát và quy đổi sang KNK (CO₂ tương đương);
- các tính toán cân bằng khối lượng;
- các tính toán dựa trên dữ liệu cụ thể của địa điểm, chẳng hạn như phân tích thành phần nhiên liệu;
- các tính toán dựa trên các tiêu chí đã công bố, chẳng hạn như hệ số phát thải và tỷ lệ GWP;
- phép đo trực tiếp lượng phát thải KNK, chẳng hạn như các thiết bị phân tích trực tuyến liên tục;
- ước tính.

Nếu sử dụng ước tính do thiếu số liệu mặc định, thì tổ chức báo cáo có thể cho biết cơ sở và giả thiết được sử dụng để ước tính các số liệu này.

Để tính toán lại lượng phát thải của năm trước đó, tổ chức có thể tuân thủ phương pháp trong “Nghị định thư KNK về Tiêu chuẩn đối với Doanh nghiệp”.

Hệ số phát thải được chọn có thể được lấy từ các yêu cầu báo cáo bắt buộc, các khung báo cáo tự nguyện, hoặc các nhóm trong ngành.

Ước tính tỷ lệ GWP thay đổi theo thời gian khi nghiên cứu khoa học phát triển. Tỷ lệ GWP từ Báo cáo Đánh giá Thứ hai của Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC) được sử dụng làm cơ sở cho các đàm phán quốc tế theo “Nghị định thư Kyoto”. Do đó, các tỷ lệ đó có thể được sử dụng để công bố thông tin phát thải KNK nếu không xung đột với các yêu cầu báo cáo của quốc gia hoặc khu vực. Tổ chức cũng có thể sử dụng các tỷ lệ GWP mới nhất từ Báo cáo Đánh giá mới nhất của IPCC.

Tổ chức có thể kết hợp Công bố thông tin 305-1 với Công bố thông tin 305-2 (Phát thải KNK Phạm vi 2/gián tiếp từ năng lượng) và 305-3 (Phát thải KNK Phạm vi 3/gián tiếp khác) để công bố thông tin về tổng lượng phát thải KNK.

Chi tiết và hướng dẫn bổ sung có trong “Nghị định thư KNK về Tiêu chuẩn đối với Doanh nghiệp”. Xem thêm các tham chiếu [1], [2], [12], [13], [14] và [19] trong phần [Tài liệu tham khảo](#).

Công bố thông tin 305-2 Phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

- a. Tổng lượng phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) theo địa điểm tính theo tấn CO₂ tương đương.
- b. Tổng lượng phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) theo thị trường, tính theo tấn CO₂ tương đương, nếu áp dụng.
- c. Các loại khí được đưa vào tính toán, nếu có, bao gồm CO₂, CH₄, N₂O, HFCs, PFCs, SF₆, NF₃ hoặc tất cả.
- d. Năm cơ sở để tính toán, nếu áp dụng, bao gồm:
 - i. lý do lựa chọn năm cơ sở;
 - ii. phát thải trong năm cơ sở;
 - iii. bối cảnh cho bất kỳ thay đổi đáng kể nào về phát thải dẫn đến việc tính toán lại phát thải trong năm cơ sở.
- e. Nguồn của các hệ số phát thải và chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) đã sử dụng, hoặc tham chiếu đến nguồn GWP.
- f. Phương pháp hợp nhất đối với phát thải; theo tỷ lệ cổ phần, quyền kiểm soát tài chính, hoặc quyền kiểm soát hoạt động.
- g. Các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả thiết và/hoặc công cụ tính toán được sử dụng.

Các yêu cầu khi biên soạn

2.3 Khi biên soạn thông tin được quy định trong Công bố thông tin 305-2, tổ chức báo cáo cần phải:

- 2.3.1 loại trừ mọi giao dịch KNK khi tính toán tổng lượng phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2);
- 2.3.2 loại trừ các phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3) được báo cáo theo quy định trong Công bố thông tin 305-3;
- 2.3.3 tính toán và báo cáo phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) dựa trên phương pháp theo địa điểm, nếu tổ chức có hoạt động ở những thị trường không có dữ liệu riêng theo nhà cung cấp hoặc sản phẩm;
- 2.3.4 tính toán và báo cáo phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) dựa trên cả phương pháp theo địa điểm và theo thị trường, nếu tổ chức có bất kỳ hoạt động nào ở những thị trường cung cấp dữ liệu riêng theo nhà cung cấp hoặc sản phẩm theo hình thức văn kiện hợp đồng.

KHUYẾN NGHỊ

2.4 Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố thông tin 305-2, tổ chức báo cáo nên:

- 2.4.1 áp dụng hệ số phát thải và tỷ lệ GWP nhất quán cho dữ liệu báo cáo;
- 2.4.2 sử dụng tỷ lệ GWP từ báo cáo đánh giá IPCC căn cứ trên khung thời gian 100 năm;
- 2.4.3 chọn một phương pháp nhất quán để hợp nhất phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1) và gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2), chọn phương pháp tính theo tỷ lệ

- vốn cổ phần, quyền kiểm soát tài chính, hoặc quyền kiểm soát hoạt động nêu trong “Nghị định thư KNK về Tiêu chuẩn đối với Doanh nghiệp”;
- 2.4.4 nếu phải tuân thủ các phương pháp luận và tiêu chuẩn khác nhau, thì mô tả cách lựa chọn những phương pháp và tiêu chuẩn đó;
- 2.4.5. nếu việc này hỗ trợ cho tính minh bạch hoặc tương thích theo thời gian, thì phân chia dữ liệu về phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) theo:
- 2.4.5.1 đơn vị hoặc cơ sở kinh doanh;
 - 2.4.5.2 quốc gia;
 - 2.4.5.3 loại nguồn (điện, sưởi ấm, làm mát và hơi nước);
 - 2.4.5.4 loại hoạt động

HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 305-2

Phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2), bao gồm nhưng không giới hạn ở phát thải khí CO₂ từ việc tạo ra điện, nhiệt, làm mát và hơi nước mà tổ chức mua hoặc tiếp nhận để sử dụng – được công bố thông tin như quy định trong [Công bố thông tin 302-1 của GRI 302: Năng lượng 2016](#). Đối với nhiều tổ chức, phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) từ việc phát điện mua có thể lớn hơn rất nhiều phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1) của tổ chức.

“Hướng dẫn của Nghị định thư KNK cho Phạm vi 2” yêu cầu tổ chức cung cấp hai giá trị Phạm vi 2 riêng biệt: giá trị theo địa điểm và giá trị theo thị trường. Phương pháp theo địa điểm phản ánh cường độ phát thải KNK trung bình ở những lưới điện phát sinh tiêu thụ năng lượng, chủ yếu sử dụng dữ liệu hệ số phát thải trung bình của lưới điện. Phương pháp theo thị trường phản ánh phát thải từ điện mà tổ chức đã chủ ý lựa chọn (hoặc không có sự lựa chọn). Phương pháp này lấy hệ số phát thải từ các văn kiện hợp đồng, bao gồm bất kỳ loại hợp đồng nào giữa hai bên để mua và bán năng lượng kèm theo các thuộc tính về việc tạo ra năng lượng, hoặc đối với các tuyên bố thuộc tính không kèm theo.

Tính toán bằng phương pháp theo thị trường cũng bao gồm việc sử dụng cấu phần năng lượng còn lại, nếu tổ chức không có mức thâm dụng phát thải quy định trong các văn kiện hợp đồng. Điều này giúp tránh tính hai lần các số liệu bằng phương pháp theo thị trường của người tiêu dùng. Nếu không có năng lượng còn lại, tổ chức có thể công bố thông tin này và sử dụng hệ số phát thải trung bình của lưới điện làm giá trị đại diện (điều này có nghĩa là số liệu theo địa điểm và số liệu theo thị trường sẽ giống nhau cho đến khi có thông tin về năng lượng còn lại).

Tổ chức báo cáo có thể áp dụng Tiêu chí Chất lượng trong “Hướng dẫn Nghị định thư KNK cho Phạm vi 2” để các văn kiện hợp đồng truyền đạt tuyên bố về tỷ lệ phát thải KNK và tránh tính toán hai lần. Xem tham chiếu [18] trong phần [Tài liệu tham khảo](#).

Để tính toán lại lượng phát thải của năm trước đó, tổ chức có thể tuân thủ phương pháp trong “Nghị định thư KNK về Tiêu chuẩn đối với Doanh nghiệp”.

Hệ số phát thải được chọn có thể được lấy từ các yêu cầu báo cáo bắt buộc, các khung báo cáo tự nguyện, hoặc các nhóm trong ngành.

Ước tính tỷ lệ GWP thay đổi theo thời gian khi nghiên cứu khoa học phát triển. Tỷ lệ GWP từ Báo cáo Đánh giá Thứ hai của IPCC được sử dụng làm cơ sở cho các đàm phán quốc tế theo “Nghị định thư Kyoto”. Do đó, các tỷ lệ đó có thể được sử dụng để công bố thông tin phát thải KNK nếu không xung đột với các yêu cầu báo cáo của quốc gia hoặc khu vực. Tổ chức cũng có thể sử dụng các tỷ lệ GWP mới nhất từ Báo cáo Đánh giá mới nhất của IPCC.

Tổ chức có thể kết hợp Công bố thông tin 305-2 với Công bố thông tin 305-1 (Phát thải KNK Phạm vi 1/trực tiếp) và 305-3 (Phát thải KNK Phạm vi 3/gián tiếp khác) để công bố thông tin về tổng lượng phát thải KNK.

Chi tiết và hướng dẫn bổ sung có trong “Nghị định thư KNK về Tiêu chuẩn đối với Doanh nghiệp”. Chi tiết về các phương pháp theo địa điểm và theo thị trường có trong “Hướng dẫn Nghị định thư KNK cho Phạm vi 2”. Xem thêm các tham chiếu [1], [2], [12], [13], [14] và [18] trong phần [Tài liệu tham khảo](#).

Công bố thông tin 305-3 Phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3)

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

- a. **Tổng lượng phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3) theo tấn CO₂ tương đương.**
- b. Các loại khí được đưa vào tính toán, nếu có, bao gồm CO₂, CH₄, N₂O, HFCs, PFCs, SF₆, NF₃ hoặc tất cả.
- c. **Phát thải khí CO₂ sinh học** theo tấn CO₂ tương đương.
- d. Các hoạt động và phân loại phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3) được đưa vào tính toán.
- e. **Năm cơ sở** để tính toán, nếu áp dụng, bao gồm:
 - i. lý do lựa chọn năm cơ sở;
 - ii. phát thải trong năm cơ sở;
 - iii. bối cảnh cho bất kỳ thay đổi đáng kể nào về phát thải dẫn đến việc tính toán lại phát thải trong năm cơ sở.
- f. Nguồn của các hệ số phát thải và **chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP)** đã sử dụng, hoặc tham chiếu đến nguồn GWP.
- g. Các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả thiết và/hoặc công cụ tính toán được sử dụng

Các yêu cầu khi biên soạn

2.5 Khi biên soạn thông tin được quy định trong Công bố thông tin 305-3, tổ chức báo cáo cần phải:

- 2.5.1 loại trừ mọi **giao dịch KNK** khi tính toán tổng lượng phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3);
- 2.5.2 loại trừ **phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)** khi công bố thông tin này. Phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) được báo cáo theo quy định trong Công bố thông tin 305-2;
- 2.5.3 báo cáo phát thải CO₂ sinh học do đốt cháy hoặc phân hủy sinh học của sinh khối phát sinh trong chuỗi giá trị tách riêng khỏi tổng lượng phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3). Loại trừ lượng phát thải sinh học của các loại KNK khác (chẳng hạn như CH₄ và N₂O), và lượng phát thải CO₂ sinh học xuất hiện trong vòng đời của sinh khối không phải do đốt cháy hoặc phân hủy sinh học (chẳng hạn như phát thải KNK do xử lý hoặc vận chuyển sinh khối).

KHUYẾN NGHỊ

2.6 Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố thông tin 305-3, tổ chức báo cáo nên:

- 2.6.1 áp dụng hệ số phát thải và tỷ lệ GWP nhất quán cho dữ liệu báo cáo;
- 2.6.2 sử dụng tỷ lệ GWP từ báo cáo đánh giá IPCC căn cứ trên khung thời gian 100 năm;
- 2.6.3 nếu phải tuân thủ các phương pháp luận và tiêu chuẩn khác nhau, thì mô tả cách lựa chọn những phương pháp và tiêu chuẩn đó;
- 2.6.4 liệt kê phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3), phân chia theo các hoạt động và phân loại thượng nguồn và hạ nguồn;
- 2.6.5 nếu việc này hỗ trợ cho tính minh bạch hoặc tương thích theo thời gian,

thì phân chia dữ liệu về phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3) theo:

- 2.6.5.1. đơn vị hoặc cơ sở kinh doanh;
- 2.6.5.2. quốc gia;
- 2.6.5.3. loại nguồn
- 2.6.5.4. loại hoạt động.

HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 305-3

Phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3) là hệ quả từ các hoạt động của tổ chức, nhưng phát sinh từ các nguồn không do tổ chức sở hữu hoặc kiểm soát. Phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3) bao gồm cả phát thải thượng nguồn và hạ nguồn. Một số ví dụ về các hoạt động Phạm vi 3 bao gồm việc chiết xuất và sản xuất các vật liệu đã mua; vận chuyển nhiên liệu đã mua trong các phương tiện không do tổ chức sở hữu hoặc kiểm soát; và sử dụng các sản phẩm và dịch vụ cho mục đích cuối cùng.

Các trường hợp phát thải gián tiếp khác cũng có thể phát sinh từ quá trình phân hủy chất thải của tổ chức. Các trường hợp phát thải liên quan đến quy trình trong sản xuất hàng hóa đã mua và các phát thải ngoài ý muốn tại các cơ sở không do tổ chức sở hữu hoặc kiểm soát cũng có thể tạo ra lượng phát thải gián tiếp.

Đối với một số tổ chức, phát thải KNK từ việc tiêu thụ năng lượng bên ngoài tổ chức có thể lớn hơn rất nhiều phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1) hoặc gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2).

Tổ chức báo cáo có thể xác định các phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3) bằng cách đánh giá những phát thải nào trong hoạt động của tổ chức:

- góp phần đáng kể vào tổng lượng phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3) theo dự kiến của tổ chức;
- có tiềm năng giảm phát thải mà tổ chức có thể triển khai hoặc gây ảnh hưởng;
- góp phần dẫn đến các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, chẳng hạn như các rủi ro về tài chính, pháp lý, chuỗi cung ứng, sản phẩm và khách hàng, kiện tụng và danh tiếng;
- được các bên liên quan như khách hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư hoặc xã hội dân sự coi là trọng yếu;
- xuất phát từ các hoạt động thuê ngoài mà trước đó tổ chức đã thực hiện được bằng nguồn lực nội bộ, hoặc các hoạt động thường được thực hiện bằng nguồn lực nội bộ bởi các tổ chức khác trong cùng ngành;
- đã được xác định là đáng kể trong ngành của tổ chức;
- đáp ứng bất kỳ tiêu chí bổ sung nào để xác định mức độ liên quan, do tổ chức hoặc các tổ chức trong cùng ngành lập ra.

Tổ chức có thể sử dụng các hoạt động và phân loại thượng nguồn và hạ nguồn sau đây từ “Nghị định thư KNK về Tiêu chuẩn đối với Chuỗi Giá trị của Doanh nghiệp” (xem tham chiếu [15] trong phần [Tài liệu tham khảo](#)).

Phân loại ở thượng nguồn

1. Hàng hóa và dịch vụ đã mua
2. Tư liệu sản xuất
3. Các hoạt động liên quan đến nhiên liệu và năng lượng (không được đưa vào Phạm vi 1 hoặc Phạm vi 2)
4. Hoạt động vận chuyển và phân phối thượng nguồn
5. Chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động
6. Đi công tác
7. Nhân viên đi lại
8. Tài sản cho thuê ở thượng nguồn

Các phân loại thượng nguồn khác

Phân loại ở hạ nguồn

9. Hoạt động vận chuyển và phân phối hạ nguồn
10. Xử lý sản phẩm đã bán
11. Sử dụng sản phẩm đã bán
12. Xử lý khi kết thúc vòng đời sản phẩm đã bán
13. Tài sản cho thuê ở hạ nguồn
14. Nhượng quyền thương mại
15. Đầu tư

Các phân loại hạ nguồn khác

Đối với từng phân loại và hoạt động trên đây, tổ chức có thể cung cấp số liệu theo đơn vị CO₂ tương đương hoặc giải thích lý do một số dữ liệu không được đưa vào để tính toán.

Để tính toán lại lượng phát thải của năm trước đó, tổ chức có thể tuân thủ phương pháp trong “Nghị định thư KNK về Tiêu chuẩn đối với Chuỗi Giá trị của Doanh nghiệp”.

Hệ số phát thải được chọn có thể được lấy từ các yêu cầu báo cáo bắt buộc, các khung báo cáo tự nguyện, hoặc các nhóm trong ngành.

Ước tính tỷ lệ GWP thay đổi theo thời gian khi nghiên cứu khoa học phát triển. Tỷ lệ GWP từ Báo cáo Đánh giá Thứ hai của IPCC được sử dụng làm cơ sở cho các đàm phán quốc tế theo “Nghị định thư Kyoto”. Do đó, có thể sử dụng các tỷ lệ đó trong công bố thông tin phát thải KNK nếu không xung đột với các yêu cầu báo cáo của quốc gia hoặc khu vực. Tổ chức cũng có thể sử dụng các tỷ lệ GWP mới nhất từ báo cáo đánh giá mới nhất của IPCC.

Tổ chức có thể kết hợp Công bố thông tin 305-3 với Công bố thông tin 305-1 (Phát thải KNK Phạm vi 1/trực tiếp) và 305-2 (Phát thải KNK Phạm vi 2/gián tiếp từ năng lượng) để công bố thông tin về tổng lượng phát thải KNK. Xem thêm các tham chiếu [1], [2], [12], [13], [15], [17] và [19] trong phần [Tài liệu tham khảo](#).

Công bố thông tin 305-4 Cường độ phát thải KNK

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

- a. Cường độ phát thải KNK của tổ chức.
- b. Chuẩn đo cụ thể theo từng tổ chức (mẫu số) được chọn để tính tỷ lệ.
- c. Loại phát thải KNK được đưa vào để tính tỷ lệ thâm dụng; bao gồm phát thải trực tiếp (Phạm vi 1), gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) và/hoặc gián tiếp khác (Phạm vi 3).
- d. Các loại khí được đưa vào tính toán, bao gồm CO₂, CH₄, N₂O, HFCs, PFCs, SF₆, NF₃ hoặc tất cả

Các yêu cầu khi biên soạn

- 2.7. Khi biên soạn thông tin được quy định trong Công bố thông tin 305-4, tổ chức báo cáo cần phải:

- 2.7.1 tính toán tỷ lệ bằng cách lấy tổng lượng phát thải KNK tuyệt đối (tử số) chia cho một chuẩn đo cụ thể theo từng tổ chức (mẫu số);
- 2.7.2 nếu báo cáo tỷ lệ thâm dụng đối với phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3), thì báo cáo tỷ lệ thâm dụng này tách riêng với các tỷ lệ thâm dụng đối với phát thải trực tiếp (Phạm vi 1) và gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2).

KHUYẾN NGHỊ

- 2.8. Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố thông tin 305-4, thì tổ chức báo cáo nên cung cấp phân loại tỷ lệ thâm dụng phát thải khí nhà kính (KNK) theo các mục sau đây nếu việc này hỗ trợ cho tính minh bạch hoặc tương thích theo thời gian:

- 2.8.1 đơn vị hoặc cơ sở kinh doanh;
- 2.8.2 quốc gia;
- 2.8.3 loại nguồn;
- 2.8.4 loại hoạt động

HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 305-4

Ngoài những cơ sở khác, có thể quy định tỷ lệ thâm dụng đối với:

- sản phẩm (chẳng hạn như tấn phát thải CO₂ trên mỗi đơn vị sản xuất ra);
- dịch vụ (chẳng hạn như tấn phát thải CO₂ trên mỗi chức năng hoặc dịch vụ);
- doanh số (chẳng hạn như tấn phát thải CO₂ trên mỗi đơn vị doanh số).

Chuẩn đo cụ thể theo từng tổ chức (mẫu số) có thể bao gồm:

- đơn vị sản phẩm;
- khối lượng sản xuất (chẳng hạn như tấn, lít, MWh);
- kích thước (chẳng hạn như diện tích mặt sàn theo m²);
- số nhân viên toàn thời gian;
- đơn vị tiền tệ (chẳng hạn như doanh thu hoặc doanh số).

Tổ chức báo cáo có thể báo cáo tổng tỷ lệ thâm dụng cho phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1) và gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) theo số liệu đã báo cáo trong Công bố thông tin 305-1 và 305-2.

Bối cảnh

Tỷ lệ thâm dụng xác định lượng phát thải KNK trong bối cảnh chuẩn đo cụ thể theo từng tổ chức. Nhiều tổ chức theo dõi hiệu quả hoạt động về mặt môi trường bằng tỷ lệ thâm dụng, thường được gọi là dữ liệu tác động môi trường chuẩn hóa.

Cường độ phát thải KNK cho biết lượng phát thải KNK trên mỗi đơn vị hoạt động, đầu ra hoặc bất kỳ chuẩn đo cụ thể nào khác của tổ chức. Kết hợp với số liệu phát thải KNK tuyệt đối của tổ chức như được báo cáo trong Công bố thông tin 305-1, 305-2 và 305-3, cường độ phát thải KNK giúp cung cấp bối cảnh về tính hiệu quả của tổ chức, bao gồm cả trong mối tương quan với các tổ chức khác.

Xem các tham chiếu [13], [14] và [19] trong phần [Tài liệu tham khảo](#).

Công bố thông tin 305-5 Giảm phát thải KNK

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải báo cáo những thông tin sau đây:

- a. Giảm phát thải KNK là kết quả trực tiếp của các sáng kiến giảm phát thải, tính theo tấn CO₂ tương đương.
- b. Các loại khí được đưa vào tính toán, bao gồm CO₂, CH₄, N₂O, HFCs, PFCs, SF₆, NF₃ hoặc tất cả.
- c. Năm cơ sở hoặc đường cơ sở, bao gồm cả lý do lựa chọn.
- d. Phạm vi nơi diễn ra giảm phát thải; bao gồm cả phát thải trực tiếp (Phạm vi 1), gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) và/hoặc gián tiếp khác (Phạm vi 3).
- e. Các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả thiết và/hoặc công cụ tính toán được sử dụng.

Các yêu cầu khi biên soạn

- 2.9. Khi biên soạn thông tin được quy định trong Công bố thông tin 305-5, tổ chức báo cáo cần phải:

- 2.9.1. loại trừ lượng giảm phát thải do giảm công suất sản xuất hoặc thuê ngoài;
- 2.9.2. sử dụng phương pháp kiểm kê hoặc phương pháp dự án để tính toán giảm phát thải;
- 2.9.3. tính toán tổng lượng giảm phát thải KNK của một sáng kiến bằng tổng các tác động chính có liên quan và mọi tác động phụ đáng kể;
- 2.9.4. nếu báo cáo hai hoặc nhiều loại Phạm vi thì báo cáo mức giảm riêng cho mỗi Phạm vi;
- 2.9.5. báo cáo riêng các mức giảm từ đền bù.

KHUYẾN NGHỊ

- 2.10 Khi biên soạn những thông tin nêu trong Công bố thông tin 305-5, nếu phải tuân thủ các phương pháp và tiêu chuẩn khác nhau, thì tổ chức báo cáo nên trình bày cách lựa chọn những phương pháp và tiêu chuẩn đó.

HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 305-5

Tổ chức báo cáo có thể đặt ưu tiên cho việc công bố thông tin về những sáng kiến giảm phát thải đã được thực hiện trong kỳ báo cáo và có tiềm năng đóng góp đáng kể vào việc giảm phát thải. Khi báo cáo về cách quản lý chủ đề này, tổ chức có thể trình bày các sáng kiến giảm phát thải cùng các mục tiêu tương ứng.

Các sáng kiến giảm phát thải có thể bao gồm:

- thiết kế lại quy trình;
- chuyển đổi và nâng cấp thiết bị;
- chuyển đổi nhiên liệu;
- thay đổi hành vi;
- đền bù.

Tổ chức có thể báo cáo mức giảm được phân chia theo sáng kiến hoặc theo nhóm sáng kiến.

Có thể kết hợp Công bố thông tin này với Công bố thông tin 305-1, 305-2 và 305-3 của Tiêu

chuẩn này để theo dõi mức giảm phát thải KNK, có tham chiếu đến các mục tiêu của tổ chức, hoặc tham chiếu đến các quy định và hệ thống mua bán trao đổi ở cấp quốc gia hoặc quốc tế.

Xem các tham chiếu [12], [13], [14], [15], [16] và [19] trong phần [Tài liệu tham khảo](#).

Hướng dẫn cho điều khoản 2.9.2

Phương pháp kiểm kê cho biết mức giảm so với năm cơ sở. Phương pháp dự đoán cho biết mức giảm so với đường cơ sở. Thông tin chi tiết hơn về những phương pháp này có trong các tham chiếu [15] và [16] trong phần [Tài liệu tham khảo](#).

Hướng dẫn cho điều khoản 2.9.3

Các tác động chính là những yếu tố hoặc hoạt động được thiết kế để giảm phát thải KNK, chẳng hạn như lưu trữ cacbon. Tác động phụ là hệ quả nhỏ hơn, ngoài dự tính của một sáng kiến giảm phát thải, bao gồm các thay đổi đối với hoạt động sản xuất hoặc chế tạo, dẫn đến thay đổi phát thải KNK ở nơi khác. Xem tham chiếu [14] trong phần [Tài liệu tham khảo](#).

Công bố thông tin 305-6 Phát thải chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

- Sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu **ODS** theo tấn **CFC-11 (trichlorofluoromethane) tương đương**.
- Các chất được dùng để tính toán.
- Nguồn của các hệ số phát thải đã sử dụng.
- Các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả thuyết và/hoặc công cụ tính toán được sử dụng.

Các yêu cầu khi biên soạn

2.11 Khi biên soạn thông tin được quy định trong Công bố thông tin 305-6, tổ chức báo cáo cần phải:

2.11.1 tính toán lượng sản xuất ODS bằng lượng ODS đã tạo ra, trừ đi lượng bị phá hủy bởi các công nghệ đã được phê duyệt, và trừ đi lượng đã được sử dụng toàn bộ làm nguyên liệu đầu vào để sản xuất các hóa chất khác;

Lượng sản xuất ODS = ODS đã tạo ra - ODS bị phá hủy bởi các công nghệ đã được phê duyệt - ODS đã được sử dụng toàn bộ làm nguyên liệu đầu vào để sản xuất các hóa chất khác
--

2.11.2 không bao gồm ODS được tái chế và tái sử dụng.

KHUYẾN NGHỊ

2.12. Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố thông tin 305-6, tổ chức báo cáo nên:

- nếu phải tuân thủ các phương pháp luận và tiêu chuẩn khác nhau, thì mô tả cách lựa chọn những phương pháp và tiêu chuẩn đó;
- nếu việc này hỗ trợ cho tính minh bạch hoặc tương thích theo thời gian, thì phân chia các dữ liệu ODS theo:
 - đơn vị hoặc cơ sở kinh doanh;
 - quốc gia;
 - loại nguồn;
 - loại hoạt động.

HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 305-6

Tổ chức báo cáo có thể báo cáo dữ liệu về các chất được dùng để tính toán theo cách riêng rẽ hoặc kết hợp.

Bối cảnh

Việc đo lường mức sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu ODS giúp thể hiện mức độ tuân thủ pháp

luật của tổ chức. Điều này đặc biệt phù hợp đối với các tổ chức sản xuất hoặc sử dụng ODS trong các quy trình, sản phẩm và dịch vụ của mình và phải tuân thủ các cam kết cắt giảm dần. Các kết quả của việc cắt giảm dần ODS giúp thể hiện vị thế của tổ chức trong bất kỳ thị trường nào chịu ảnh hưởng bởi các quy định về ODS.

Công bố thông tin này đề cập đến các chất nêu trong Phụ lục A, B, C, và E của “Nghị định thư Montreal” cũng như bất kỳ ODS nào khác do tổ chức sản xuất, nhập khẩu hoặc xuất khẩu.

Xem các tham chiếu [1], [2], [8] và [9] trong phần [Tài liệu tham khảo](#).

Công bố thông tin 305-7 Nitơ oxit (NO_x), sulfur oxit (SO_x), và các phát thải khí đáng kể khác

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

a. **Phát thải khí đáng kể**, tính bằng kilogram hoặc bội số, cho mỗi chất sau đây:

- i. NO_x
- ii. SO_x
- iii. Các chất gây ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP)
- iv. Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC)
- v. Các chất gây ô nhiễm không khí nguy hiểm (HAP)
- vi. Bụi mịn (PM)
- vii. Các danh mục tiêu chuẩn khác của phát thải khí đã xác định trong các quy định có liên quan

b. Nguồn của các hệ số phát thải đã sử dụng.

c. Các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả thiết và/hoặc công cụ tính toán được sử dụng.

Các yêu cầu khi biên soạn

2.13. Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố thông tin 305-7, tổ chức báo cáo cần phải chọn một trong các phương pháp sau đây để tính toán phát thải khí đáng kể:

- 2.13.1. Đo lường trực tiếp lượng phát thải (chẳng hạn như các công cụ phân tích trực tuyến);
- 2.13.2. Tính toán dựa trên dữ liệu cụ thể theo từng cơ sở;
- 2.13.3. Tính toán dựa trên các hệ số phát thải đã công bố;
- 2.13.4. Ước tính. Nếu sử dụng ước tính do thiếu số liệu mặc định, thì tổ chức báo cáo cần phải cho biết cơ sở ước tính các số liệu này.

KHUYẾN NGHỊ

2.14. Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố thông tin 305-7, tổ chức báo cáo nên:

- 2.14.1. nếu phải tuân thủ các phương pháp luận và tiêu chuẩn khác nhau, thì mô tả cách lựa chọn những phương pháp và tiêu chuẩn đó;
- 2.14.2. nếu việc này hỗ trợ cho tính minh bạch hoặc tương thích theo thời gian, thì phân chia các dữ liệu phát thải khí theo:
 - 2.14.2.1 đơn vị hoặc cơ sở kinh doanh;
 - 2.14.2.2 quốc gia;
 - 2.14.2.3 loại nguồn;
 - 2.14.2.4 loại hoạt động.

HƯỚNG DẪN

Xem các tham chiếu [3], [4], [5], [6] và [10] trong phần [Tài liệu tham khảo](#).

Thuật ngữ

Bảng thuật ngữ này trình bày định nghĩa của các thuật ngữ được sử dụng trong Tiêu chuẩn này. Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa này khi sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI.

Các định nghĩa trong danh mục thuật ngữ này có thể chứa các thuật ngữ được định nghĩa chi tiết hơn trong [Bảng Thuật ngữ đầy đủ của Bộ Tiêu chuẩn GRI](#). Tất cả các thuật ngữ có định nghĩa đều được gạch chân. Trường hợp một thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Bảng Thuật ngữ này hoặc trong [Bảng Thuật ngữ đầy đủ của Bộ Tiêu chuẩn GRI](#), các định nghĩa được sử dụng và hiểu phổ biến sẽ được áp dụng.

C

cacbon đioxit (CO₂) tương đương * (carbon dioxide (CO₂) equivalent *)

đơn vị đo dùng để so sánh mức phát thải của nhiều loại Khí nhà kính (KNK) khác nhau dựa trên chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP)

Lưu ý: CO₂ tương đương của một loại khí được xác định bằng cách nhân số tấn khí với GWP tương ứng.

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

cFC11 (trichlorofluoromethane) tương đương (CFC11 (trichlorofluoromethane) equivalent)

đơn vị đo dùng để so sánh các loại chất dựa trên tiềm năng làm suy giảm tầng ô-zôn (ODP)

Lưu ý: Mức tham chiếu 1 là tiềm năng làm suy giảm tầng ô-zôn của CFC-11 (trichlorofluoromethane) và CFC-12 (dichlorodifluoromethane).

chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS) (ozone-depleting substance (ODS))

chất có chỉ số phá hủy tầng ô-zôn (ODP) lớn hơn 0 mà có thể phá hủy tầng ô-zôn bình lưu

Lưu ý: Hầu hết ODS đều được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal về Chất Phá hủy Tầng Ô-zôn 1987 của Chương trình Môi trường Liên hợp Quốc (UNEP), và các bản sửa đổi nghị định thư, và bao gồm các chất chlorofluorocarbon (CFC), hydrochlorofluorocarbon (HCFC), halon và methyl bromide.

Chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) * (global warming potential (GWP) *)

giá trị mô tả tác động bức xạ cưỡng bức của một đơn vị khí nhà kính (KNK) nhất định so với một đơn vị khí CO₂ trong một khoảng thời gian nhất định

Lưu ý: Giá trị GWP chuyển đổi dữ liệu phát thải KNK của các loại khí không phải CO₂ thành đơn vị CO₂ tương đương.

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

chủ đề trọng yếu (material topics)

Các chủ đề phản ánh những tác động đáng kể nhất của tổ chức đến kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả các tác động đến quyền con người của họ

Lưu ý: Hãy xem [mục 2.2 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) và [phần 1 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#) để biết thêm thông tin về “chủ đề trọng yếu”.

D

đường cơ sở * (baseline *)

xuất phát điểm dùng để so sánh

Lưu ý: Trong bối cảnh báo cáo năng lượng, đường cơ sở là mức tiêu thụ năng lượng hoặc lượng phát thải dự kiến khi không có bất kỳ hoạt động giảm thiểu nào.

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

G

giao dịch khí nhà kính (KNK) * (greenhouse gas (GHG) trade *)

việc mua, bán hoặc chuyển nhượng hạn ngạch hoặc đền bù phát thải khí nhà kính (KNK)

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

giảm phát thải khí nhà kính (KNK) * (reduction of greenhouse gas (GHG) emissions *)

giảm lượng khí thải nhà kính (KNK) hoặc tăng cường loại bỏ hay lưu trữ KNK khỏi bầu khí quyển, so với mức phát thải đường cơ sở

Lưu ý: Các tác động trực tiếp sẽ dẫn đến việc giảm phát thải khí nhà kính, và một số tác động gián tiếp cũng sẽ mang lại kết quả tương tự. Tổng lượng giảm phát thải khí nhà kính (KNK) của một sáng kiến được định lượng bằng tổng số (các) tác động trực tiếp liên quan và bất kỳ tác động gián tiếp đáng kể nào (bao gồm cả việc giảm hoặc gia tăng bù trừ lượng phát thải KNK).

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

K

khí nhà kính (KNK) * (greenhouse gas (GHG) *)

khí góp phần gây ra hiệu ứng nhà kính thông qua việc hấp thụ bức xạ hồng ngoại

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

N

năm cơ sở * (base year)

dữ liệu lịch sử (chẳng hạn như năm) được sử dụng làm mốc tham chiếu để theo dõi một số liệu đo lường theo thời gian

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

P

phạm vi phát thải KNK * (scope of GHG emissions *)

phân loại ranh giới hoạt động nơi thải ra khí nhà kính (KNK)

Lưu ý 1: Phạm vi phân loại phát thải KNK là do tổ chức tự tạo ra hay do các tổ chức khác có liên quan tạo ra, ví dụ như các nhà cung cấp điện hoặc các công ty kho vận.

Lưu ý 2: Có ba phân loại Phạm vi: Phạm vi 1, Phạm vi 2 và Phạm vi 3.

Lưu ý 3: Việc phân loại Phạm vi căn cứ theo Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), 'Tiêu chuẩn Doanh nghiệp của Nghị định thư KNK', Bản Sửa đổi, 2004.

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

phát thải cacbon đioxit (CO₂) sinh học (biogenic carbon dioxide (CO₂) emission)

phát thải CO₂ do đốt cháy hoặc phân hủy sinh học của sinh khối

phát thải khí đáng kể (significant air emission)

phát thải khí được quản lý theo các công ước quốc tế và/hoặc luật hay quy định của quốc gia

Lưu ý: Phát thải khí đáng kể bao gồm cả những trường hợp được liệt kê trong giấy phép môi trường cấp cho các hoạt động của tổ chức.

phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3) * (other indirect (Scope 3) GHG emissions *)

phát thải khí nhà kính (KNK) gián tiếp không bao gồm trong phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) mà xảy ra bên ngoài tổ chức, bao gồm cả phát thải thượng nguồn và hạ nguồn

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí*

hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.

phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) * (energy indirect (Scope 2) GHG emissions*)

lượng phát thải khí nhà kính (KNK) phát sinh từ quá trình tạo ra điện, nhiệt, làm mát và hơi nước mà tổ chức mua hoặc tiếp nhận để sử dụng.

* Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.

phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1) * (direct (Scope 1) GHG emissions *)

lượng phát thải khí nhà kính (KNK) từ các nguồn do tổ chức sở hữu hoặc kiểm soát

Ví dụ: phát thải CO₂ từ việc tiêu thụ nhiên liệu

Lưu ý: Nguồn KNK là bất kỳ đơn vị thực tế hoặc quy trình nào thải KNK vào khí quyển.

* Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.

phát triển bền vững/tính bền vững (sustainable development / sustainability)

sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai

Nguồn: Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển, *Tương lai Chung của Chúng ta*, 1987

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, thuật ngữ “tính bền vững” và “phát triển bền vững” được dùng thay thế cho nhau.

Q

quyền con người (human rights)

các quyền vốn có của tất cả con người, trong đó tối thiểu bao gồm các quyền được nêu trong *Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền Con người của Liên hợp quốc (UN)* và các nguyên tắc liên quan đến các quyền cơ bản được nêu trong Tuyên bố về các *Nguyên tắc và Quyền Cơ bản tại Nơi làm việc của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)*

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Xem [Hướng dẫn 2-23-b-i trong GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021](#) để biết thêm thông tin về “quyền con người”.

T

tác động (impact)

ảnh hưởng đã có hoặc có thể có của một tổ chức đối với kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả nhân quyền của họ; các tác động này phản ánh mức độ đóng góp (tích cực hoặc tiêu cực) của tổ chức đối với phát triển bền vững

Lưu ý 1: Tác động có thể là tác động đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, tích cực hoặc tiêu cực, ngắn hạn hoặc dài hạn, có chủ định hoặc không chủ định và có thể đảo ngược hoặc không thể đảo ngược.

Lưu ý 2: Hãy xem [mục 2.1 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) để biết thêm thông tin về “tác động”.

Tài liệu tham khảo

Phần này liệt kê các văn kiện liên chính phủ có thẩm quyền và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

1. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu 1995: Khoa học về Biến đổi Khí hậu, Đóng góp của Nhóm Công tác I cho Báo cáo Đánh giá Thứ hai của Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu*, 1995.
2. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu 2007: Cơ sở Khoa học Vật lý, Đóng góp của Nhóm Công tác I cho Báo cáo Đánh giá Thứ tư của Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu*, 2007.
3. Công ước của Ủy ban Kinh tế Châu Âu của Liên Hợp Quốc (UNECE), *"Nghị định thư Geneva về Kiểm soát Phát thải Hợp chất Hữu cơ Dễ bay hơi hoặc Dòng chảy Xuyên biên giới của Hợp chất đó"*, 1991.
4. Công ước của Ủy ban Kinh tế Châu Âu của Liên Hợp Quốc (UNECE), *"Nghị định thư Gothenburg nhằm Giảm thiểu Tình trạng Axit hóa, Phú dưỡng và Ô-zôn Tầng mặt đất"*, 1999.
5. Công ước của Ủy ban Kinh tế Châu Âu của Liên Hợp Quốc (UNECE), *"Nghị định thư Helsinki về Giảm Phát thải Lưu huỳnh hoặc Dòng chảy Xuyên biên giới"*, 1985.
6. Công ước của Ủy ban Kinh tế Châu Âu của Liên Hợp Quốc (UNECE), *"Nghị định thư Sofia về Kiểm soát Phát thải Nitơ Oxit hoặc Dòng chảy Xuyên biên giới"*, 1988.
7. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP) và Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO), *Đánh giá Tổng hợp về Cacbon Đen và Ô-zôn Tầng đối lưu*, 2011.
8. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *"Nghị định thư Montreal về các Chất phá hủy Tầng Ô-zôn"*, 1987.
9. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Tiêu chuẩn và Quy tắc Thực hành để Loại bỏ Sự phụ thuộc vào Halon – Sổ tay Thực hành Tốt trong Ngành Halon*, 2001.
10. Công ước của Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Công ước "Stockholm về Chất ô nhiễm Hữu cơ Khó phân hủy (POP)"*, Phụ lục A, B, và C, 2009.
11. Công ước Khung của Liên Hợp Quốc (UN), *"Công ước Khung về Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc"*, 1992.
12. Nghị định thư của Liên Hợp Quốc (UN), *"Nghị định thư Kyoto về Công ước Khung về Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc"*, 1997.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

13. Dự án Công bố thông tin về Cacbon (CDP), *Yêu cầu Cung cấp Thông tin của CDP dành cho Nhà đầu tư*, được cập nhật hàng năm.
14. Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì Phát triển Bền vững (WBCSD), *"Tiêu chuẩn Doanh nghiệp của Nghị định thư KNK"*, Bản sửa đổi, 2004.
15. Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì Phát triển Bền vững (WBCSD), *"Tiêu chuẩn Chuỗi giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK"*, 2011.
16. Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì Phát triển Bền vững (WBCSD), *"Nghị định thư KNK về Kế toán Dự án"*, 2005.
17. Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì Phát triển Bền vững (WBCSD), *"Tiêu chuẩn Vòng đời Sản phẩm của Nghị định thư KNK"*, 2011.
18. Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì Phát triển Bền vững (WBCSD), *"Hướng dẫn cho Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK. Sửa đổi Tiêu chuẩn đối với Doanh nghiệp của Nghị định thư KNK"*, 2015.
19. Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì Phát triển Bền vững (WBCSD), *"Thuyết minh Kế toán theo Nghị định thư về Khí Nhà kính, Số 1, Sửa đổi Chuẩn mực Kế toán và Báo cáo"*, 2012.



PO Box 10039
1001 EA Amsterdam
The Netherlands

www.globalreporting.org